

PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG THỨ 5 (KĨ NĂNG QUAN SÁT) TRONG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ

ThS. TỐNG HUNG TÂM*

Ngày nay, bất cứ giáo viên hay người học ngoại ngữ nào đều quen thuộc với việc làm thế nào để phát triển 4 kĩ năng (KN): nghe, nói, đọc, viết một cách tích cực và hiệu quả. Tuy nhiên, trong thời đại công nghệ thông tin hiện nay đã xuất hiện KN thứ năm: *kĩ năng quan sát (KNQS) (Viewing skill)*. Trong bài viết này, người viết chỉ đề cập khái niệm *Viewing skill* và làm thế nào để áp dụng nó trong quá trình giảng dạy và học tập ngoại ngữ hiệu quả.

1. Giới thiệu chung về Viewing skill

Viewing skill là tập trung toàn bộ các giác quan vào cái chúng ta có thể nhận được trong quá trình quan sát (QS) một vật thể nào đó một cách có chủ đích. *Viewing skill* là sự kết hợp và bổ trợ lẫn nhau của các giác quan và tập trung cao độ vào cái chúng ta nhìn, nghe và cảm nhận thấy để phát ra thành lời khi theo dõi một đoạn băng, hình ảnh, trình chiếu tương tác với các phương tiện truyền thông điện tử mới trong lớp học. Đó cũng là cách để giúp người học có những nhận xét và đáp ứng các yêu cầu của người dạy về sử dụng công nghệ thông tin nghe nhìn một cách hiệu quả để phát triển khả năng đọc viết thông qua QS hoặc phát triển khả năng QS.

Hiện nay, KNQS trong quá trình dạy học thể hiện ở việc *người học hiểu và có những câu trả lời mang tính cá nhân, có hạn định, mang tính sáng tạo* cho những vấn đề như: - Thông điệp đó là gì?; - Thông điệp đó dành cho ai?; - Mục đích của thông điệp là gì?; - Ta đã học được gì từ chủ đề đó? Về chính mình và những đối tượng khác?; - Quan điểm được đưa ra là của ai?

Hiệp hội Độc quốc tế/Hội đồng giáo viên ngoại ngữ các quốc gia cũng khẳng định rằng: "Học tập trong xã hội đương thời nghĩa là người học phải năng động, có chính kiến và sáng tạo không chỉ hạn chế trong ngôn ngữ đọc viết hay nói mà cần cả ngôn ngữ QS khi xem phim ảnh trên tivi, các mục quảng cáo, các hình ảnh thương mại hay chính trị và nhiều thứ khác nữa".

2. Các thủ thuật và các bước cơ bản giúp phát triển KNQS

1) Tạo nhiều cơ hội hơn cho người học QS hàng ngày. Người dạy phải giúp người học nhận ra sự khác nhau giữa các dạng của trích đoạn ngôn ngữ hình ảnh phục vụ cho quá trình dạy và học ngôn ngữ, bao gồm: a) QS: Quảng cáo (in), bìa sách, thông báo, phim hoạt hình (in), đồ họa vi tính, sơ đồ, hội họa sâu, bản vẽ, thuyết trình, bản đồ, biểu diễn kịch, mô hình, tranh vẽ, ảnh, bưu thiếp và áp phích, hoạt cảnh; b) *Các phương tiện nghe nhìn/Đa phương tiện*: Hoạt hình, CD-ROM, sáng tạo trong khiêu vũ, kịch, phim, các trang web, thuyết trình đa phương tiện, nguồn tin tức, tạp chí online, thuyết trình bằng lời, kịch múa rối, thuyết minh phim, tiểu phẩm, đoạn âm thanh, tivi, băng video.

2) Các hoạt động nâng cao khả năng QS

Học bằng truyện tranh: Hoạt động này luôn mang lại hiệu quả cao với nhiều đối tượng người học bởi sự hấp dẫn về hình ảnh giúp việc truyền thụ và lĩnh hội ngôn ngữ sinh động hơn. Lựa chọn nhiều sách có tranh minh họa hoặc tạo thuận lợi cho việc QS để thực hiện các yêu cầu khi dạy và học. Thông qua việc người dạy định hướng về tác giả, văn phong,... người học có thể hứng thú với các thông điệp của lời thoại được thiết kế bắt mắt và ngôn ngữ đi kèm.

QS các bức họa hay tranh ảnh: Các bức họa cho phép người học QS nội dung và sử dụng ngôn ngữ vừa học để mô tả bằng lời nói hoặc viết bài. Đặc biệt, trong khi trưng bày nhiều bức họa, ảnh thực hoặc thông qua các phương tiện truyền thông hay công nghệ nghe nhìn khác nhau cùng một lúc, người học có được những phản ứng tích cực khi cùng nhau thảo luận, đưa ra quan điểm và sắp xếp nội dung theo tiến trình trong quá trình chuẩn bị để báo cáo và phản bác lại ý kiến của người khác. Thông qua học cá nhân hoặc thảo luận nhóm, cả người học và người dạy đều tham gia để nâng cao khả năng ngôn ngữ theo cách tích cực về các khía cạnh khác nhau với cùng một chủ

* Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

đề. Nếu người dạy không kiểm soát được nội dung (tập trung vào chủ đề chính) thì việc phát triển KN thứ năm này không có tác dụng và người học dễ bị sa đà vào chủ đề khác. Người học phải tập hợp các điểm quan trọng khi QS và thảo luận; chia sẻ ý kiến, tổng hợp, đàm phán, chất lọc và quyết định sẽ trình bày ý kiến nào mang tính thuyết phục hơn. Người dạy có thể yêu cầu người học viết tổng kết, thuyết trình nội dung hoặc mô tả các điểm chính nổi bật dựa theo yêu cầu gợi ý.

Băng video, phim, tivi, CD-ROM, và mạng Internet: Người dạy có cơ hội giúp người học phân tích các bài học bằng hình ảnh để mở rộng vốn từ vựng; phát triển KNQS và suy nghĩ sáng tạo khi sử dụng óc QS và trình bày bằng việc ghi nhớ và gắn với âm thanh, hình ảnh sống động.

Trung tâm nghe nhìn hoặc phòng học tiếng chuyên biệt: Nếu điều kiện cho phép, người dạy có thể sử dụng các trung tâm nghe nhìn hay phòng học tiếng chuyên biệt cung cấp đa dạng các nguồn tài liệu như sách, báo, tạp chí, băng cassette, băng video, CD-ROM, mạng Internet với nội dung tùy theo từng chủ đề, độ tuổi,... Sự đa dạng về nguồn tài liệu giúp người dạy chủ động trong việc lựa chọn giáo cụ nghe nhìn trực quan một cách sáng tạo, hiệu quả, người học sẽ dễ dàng bị cuốn hút vào nội dung học một cách tự nhiên nhất.

3) Đưa ra cho người học những yêu cầu dứt khoát, cụ thể và trong phạm vi cho phép; khuyến khích các ý tưởng sáng tạo khi sử dụng các thủ thuật trong KNQS:

- Thảo luận và sử dụng các thủ thuật QS mẫu: Nghe hội thoại hay độc thoại, nhìn chi tiết hay toàn cảnh, cảm nhận nội dung hay tình huống,...

- Giúp người học tập trung vào các yêu cầu trước khi QS và khuyến khích người học sáng tạo khi tìm kiếm thông tin được truyền tải thông qua các phương tiện nghe nhìn. Người học cũng cần được hỗ trợ để nhận ra các thành tố có liên quan trong khi nghe nhìn với các gợi ý sau: a) *QS:* Trật tự của thông tin và hình ảnh, màu sắc, diễn tả sắc thái của nhân vật, cử chỉ điệu bộ, các đường thẳng hoặc giao nhau, quan điểm, kích cỡ, hình dạng; b) *Nghe:* Hội thoại, trường độ cao thấp, âm lượng to nhỏ, âm nhạc, khoảng tĩnh lặng, âm thanh đơn hoặc tạp, truyền tải giọng nói; c) *Các thủ thuật ứng dụng:* QS các khía cạnh có liên quan, các góc quay, chỉnh sửa, độ sáng tối, cảm xúc, các mệnh đề trong hội thoại hay độc thoại, các hiệu ứng đặc biệt, dự đoán các tình huống tiếp theo.

3. Các hoạt động hỗ trợ QS mang tính quyết định

Để chuẩn bị cho việc QS được hiệu quả, việc hướng dẫn cho người học trước khi cho họ xem một đoạn phim, video hoặc trình chiếu PowerPoint là rất quan trọng. Dưới đây là các bước hướng dẫn cho quá trình trước, trong và sau khi QS:

1) Khi yêu cầu người học QS để lấy các thông tin từ phim, video, trình chiếu PowerPoint và các phương tiện nghe nhìn khác: Yêu cầu người học thực hiện các thủ thuật theo hướng dẫn hoặc trả lời các câu hỏi theo từng giai đoạn cụ thể.

Trước khi QS: Bạn đã biết gì về chủ đề này? Bạn muốn biết gì trong khi QS để phục vụ cho việc hoàn thành yêu cầu đề ra hoặc cho việc thuyết trình hiệu quả?

Trong khi QS: Khi bạn QS tác phẩm/phần trình bày/đoạn phim/video hay hình ảnh này, bạn phải ghi chép các thông tin một cách cụ thể theo yêu cầu, sáng tạo khi QS để làm tư liệu và hoàn thành các yêu cầu đề ra.

Sau khi QS: Kiểm tra, so sánh đối chiếu thông tin để có câu trả lời phù hợp nhất với yêu cầu đề ra. Điều gì hoặc yếu tố nào là thú vị nhất? Tại sao? Điều gì giúp cho việc học thông qua KNQS tác phẩm/phần trình bày/đoạn phim/video hay hình ảnh hiệu quả hơn là chỉ đọc đơn thuần?

2) Khi yêu cầu người học QS để lấy thông tin từ phim truyện, video dài tập, trình chiếu tiếp theo phần bài trước và các phương tiện nghe nhìn có thời lượng dài: Yêu cầu người học thực hiện các thủ thuật theo hướng dẫn hoặc trả lời các câu hỏi theo từng giai đoạn cụ thể.

Trước khi QS: Bạn nghĩ tác phẩm/phần trình bày này về cái gì? Khi QS tác phẩm/phần trình bày này bạn quan tâm đến vấn đề gì?

Trong khi QS: Trong khi QS tác phẩm/phần trình bày này bạn phải ghi chép, nắm bắt các thông tin có liên quan đến yêu cầu thông qua âm thanh, hình ảnh, sự tương tác giữa các nhân vật,... từ đó có được nội dung chính/bao quát cả tác phẩm/phần trình bày. Nắm bắt hoàn cảnh của tác phẩm/phần trình bày như địa điểm, thời gian và các yếu tố có liên quan. Nội dung diễn ra trong tình huống nào, tại sao lại được minh họa bằng tác phẩm/phần trình bày đó? Nội dung/các nhân vật/yếu tố chính là gì và được diễn ra như thế nào? Mục đích của tác phẩm/phần trình bày là gì? Tác dụng của tác phẩm/phần trình bày cho việc học ngoại ngữ là gì? Vấn đề nêu ra được giải quyết như thế nào? Vấn đề tiếp theo là gì và làm sao để khắc phục hoặc có đáp án cho mỗi vấn đề được nêu là gì?

Sau khi QS: Điều gì đọng lại trong bạn (kiến thức, nội dung ngôn ngữ)? Bạn quan tâm đến nội dung nào nhất (trong giới hạn nhất định của bài học)? Tại sao? Bạn có bình luận gì về tác phẩm/phần trình bày bạn vừa quan sát? Lý do? Bạn có thấy tính ứng dụng của KNQS trong việc dạy và học ngoại ngữ hiệu quả không? Ở khía cạnh nào?

3) Các câu hỏi gợi ý khi ứng dụng KNQS: Chẳng hạn: - Nội dung phim có thú vị không? Các vấn đề yêu cầu được giải đáp có thuyết phục không? (với phim ngắn); - Với kịch có tự nhiên không? Nội dung có liên quan đến ngôn ngữ cần đạt đến không? (với kịch); - Thông điệp của đoạn đó là gì? Dành cho ai? Thể hiện quan điểm của ai? Từ vựng, ngữ pháp có gắn với chương trình học không? (với đoạn thông tin); - Công nghệ nào được ứng dụng cho tác phẩm/phần trình bày? Các hiệu ứng có phát huy tác dụng không? (hiệu ứng).

4) Hoạt động suy nghĩ sáng tạo khi QS trực tiếp: Người dạy hướng dẫn người học thông qua hoạt động nghe nhìn hoặc trình bày. Tập trung vào việc QS, dự đoán, lập công thức các câu hỏi theo hệ thống hoặc theo một trật tự nhất định. Có gợi ý gián tiếp về nội dung thông qua câu hỏi, nhưng từ chối câu trả lời trực tiếp khi người học hỏi lại chính câu hỏi người học vừa đặt ra. Người dạy có thể ứng dụng các bước sau: - *Bước 1:* Khởi gợi kiến thức nền của người học thông qua việc QS chủ đề và các gợi ý sẵn có khi người dạy cung cấp cho người học trong nội dung bài học; - *Bước 2:* Hướng dẫn người học dự đoán về nội dung của chủ đề sẽ QS và hỗ trợ các dự đoán của người học khi nêu lý do. Lập trình mục tiêu QS cụ thể cho người học; - *Bước 3:* Yêu cầu người học QS nội dung tác phẩm/phần trình bày bằng việc nghe, nhìn, cảm nhận và tiếp tục theo nội dung của chủ đề với phần dự đoán và mục tiêu đã lập trình; - *Bước 4:* Yêu cầu người học xác định hoặc sửa nội dung cho phần dự đoán bằng các thông tin hoặc bằng chứng có được khi QS để phục vụ cho nội dung chính của chủ đề đã được yêu cầu; - *Bước 5:* Yêu cầu người học tiếp tục QS với các yêu cầu về nội dung khác nhau với mục đích cập nhật nội dung cho bài học bằng việc đưa ra các bằng chứng từ hình ảnh, âm thanh cho nội dung yêu cầu và đưa ra kết luận.

5) Các câu hỏi người học nên được hướng dẫn để tự hỏi khi thực hành KNQS: - Cá nhân nào trong lớp thường xuyên đại diện thuyết trình nhất khi thực hành KNQS thông qua các phương tiện nghe nhìn và cá nhân nào ít đại diện nhất? (tỉ lệ giới tính, độ tuổi hoặc văn hóa). Khảo sát này giúp

người học có chí hướng phấn đấu học tốt hơn; - Những triển vọng khi phát huy KNQS của tác phẩm hay hình ảnh được trình chiếu là gì? Tổng hợp KNQS hiệu quả; - Các phương tiện hỗ trợ nghe nhìn là của ai? (VD: tivi, sách báo, tạp chí, video, cassette, CD-ROM, mạng Internet,...) và điều đó có ảnh hưởng gì đối với người dạy và người học không? Nội dung học và nội dung trình bày có tính liên kết không? Nâng cao nhận thức của người học trong sự đầu tư cho phát triển khả năng sử dụng ngoại ngữ; - Nội dung trình chiếu đang học để phục vụ cho ai? Có thực sự hiệu quả không? Ai muốn truyền tải nội dung này đến người học? Tại sao? Giúp người học xác định cần củng cố kiến thức cụ thể trong từng giai đoạn; - Phương tiện nghe nhìn nào được sử dụng thu hút sự chú ý của bản thân mình vì nó phát huy tác dụng trong quá trình học ngôn ngữ? Người học có thể ứng dụng KNQS với các phương tiện nghe nhìn ở nhiều nơi; - Làm sao những giá trị và trải nghiệm cuộc sống của bản thân mình lại có tác dụng trong quá trình QS và có nhiều điểm trùng khớp/ tương đồng giữa nội dung bài học được QS và thực tiễn sử dụng ngôn ngữ với các tình huống thực? Liệu KNQS khi được phát triển sẽ giúp ích cho bản thân mình trong việc học ngoại ngữ như thế nào? Khẳng định giá trị bản thân và kiến thức cần có cũng như vị thế của người có kiến thức và khả năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả.

Dạy và học thông qua KNQS hình ảnh, âm thanh thế nào cho hiệu quả đòi hỏi sự sáng tạo, kiên trì và linh hoạt trong quá trình giảng dạy vì nếu ứng dụng không phù hợp sẽ có kết quả không khả quan như tốn kém thời gian, tiền bạc, công sức mà lại dễ lạc đề. Dù KNQS về cơ bản là tích cực nhưng người dạy nhất thiết phải dựa trên nội dung yêu cầu của chương trình, không tạo hiệu ứng tiêu cực cho người học như khuyến khích người học xem tivi quá nhiều hay các yêu cầu tìm kiếm thông tin trên mạng không rõ ràng làm người học phải ngồi nhiều giờ trước máy tính để hoàn thành bài tập. Cả người dạy và người học ngoại ngữ được khuyến khích suy nghĩ tích cực khi ứng dụng công nghệ nghe nhìn để phục vụ cho việc dạy và học ngôn ngữ có chiều sâu hơn, thú vị, hấp dẫn hơn, và luôn có sự đánh giá sau khi dạy và học để phát huy các mảng tích cực và khắc phục các yếu điểm để KNQS thực sự phát huy hết năng lượng tiềm ẩn từ lâu thường bị bỏ ngỏ. □

(Xem tiếp trang 49)

vấn đề TV cho HS DTTS nên cần triển khai nghiêm túc, đánh giá khách quan, công bằng, đo nghiệm, đối chứng kết quả một cách minh bạch, cụ thể, chi tiết để đánh giá đúng hiệu quả của chương trình đã được triển khai; - Tranh thủ sự ủng hộ, chỉ đạo của Bộ GD-ĐT, sự giúp đỡ, hỗ trợ kĩ thuật của Trung tâm Nghiên cứu giáo dục dân tộc và các chuyên gia trung ương trong quá trình thực hiện; - GV tự nguyện kí cam kết chất lượng và bàn giao chất lượng, việc thực hiện kí cam kết trách nhiệm đối với GV về đảm bảo chất lượng, hiệu quả DH và bàn giao chất lượng vào cuối năm học đối với trường MN và trường TH như chương trình đại trà.

4. Một số đề xuất, kiến nghị

1) **Đối với tổ chức UNICEF:** tiếp tục đầu tư cho GDSN và vùng có điều kiện học chương trình SN.

2) **Với Bộ GD-ĐT:** Triển khai nhân rộng chương trình GDSN dựa trên tiếng mẹ đẻ ở những nơi có nhiều HS dân tộc trên cơ sở điều tra của bản đồ ngôn ngữ, vì đây là chìa khóa để thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện GD vùng dân tộc; - Đưa chương trình GDSN vào các trường sư phạm để GV và SV sư phạm tiếp cận với GDSN; - Có chương trình, kế hoạch bồi dưỡng tiếng dân tộc và PPDH SN cho CBQL và GV các địa phương thực hiện GDSN. Bố trí tỉ lệ GV lớp học SN là 2 GV/lớp (1 GV dạy tiếng Mông - người Mông, 1 GV dạy TV) và chế độ cho GV dạy SN.

3) **Với Hội đồng dân tộc Quốc hội:** Ủng hộ việc nhân rộng chương trình GDSN trên cơ sở tiếng mẹ đẻ trên diện rộng ở vùng DTTS, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả MN, TH; - Thúc đẩy UBND các tỉnh thực hiện Nghị định số 82/2010/NĐ-CP, ngày 15/7/2010 của Chính phủ về việc dạy tiếng nói, chữ viết của DTTS trong các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, đồng thời kiến nghị Chính phủ bổ sung việc học tiếng nói DTTS cho trẻ mẫu giáo vùng DTTS; - Thúc đẩy các cấp, ngành xem xét, điều chỉnh chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại NĐ số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010. Trong đó điều chỉnh về thời điểm chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng được hưởng vào tháng 8 năm trước (đủ 5 tháng) và tháng 1 năm sau (đủ 4 tháng) để phù hợp với học kì của năm học. Điều chỉnh cơ chế chi trả: Thay vì chi trả cho HS, trên cơ sở thống nhất với mẹ HS, người giám hộ và chứng kiến của Ban đại diện cha mẹ HS; - Có ý kiến với Chính phủ, các bộ, ban ngành có liên quan thuộc chính quyền địa phương tăng biên chế GV cho các cơ sở GDSN

vùng DTTS đặc biệt khó khăn, dạy cả ngày với tỉ lệ 2 GV trên lớp. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. "Bản tóm tắt chương trình nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ: cải thiện bình đẳng và chất lượng giáo dục cho học sinh dân tộc Việt Nam", H. 2012.
2. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam - Trung tâm nghiên cứu dân tộc. Báo cáo hội thảo: "Kinh nghiệm và kết quả giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ thông qua nghiên cứu thực hành", H. 2013.

SUMMARY

Lao Cai is a province has 25 ethnic groups, of which the Hmong proportion of 22.21%. Mong people have their own spoken and written languages, more Hmong community often live clustered together in each village children and adults often communicate with each other in the Mongolian language, rarely communicate in English. This causes them to face many difficulties in the learning process at school. To help them overcome the difficulties, language barriers, cultural identity preservation ethnic Lao Cai Department of Education and Training and the Vietnam Institute of Science Education held a pilot bilingual teaching based on base language. So far, after two years, has obtained the good results.

Phát triển kĩ năng thứ 5...

(Tiếp theo trang 46)

Tài liệu tham khảo

1. <http://www.dest.gov.au/archive/schools/literacy&numeracy/publications/lit4all.htm>
2. Strasburger VC. "Adolescents and the Media". *Medical and Psychological Impact*. Thousand Oaks, CA: Sage, 1995.
3. Brown JA. *Television "Critical Viewing Skills" Education: Major Media Literacy Projects in the United States and Selected Countries*. Hillsdale, NJ: Lawrence Earlbaum Associates, 1991.

SUMMARY

Nowadays, any teachers or students of languages are all familiar with how to develop four skills: Listening skill, Speaking skill, Reading skill and Writing skill to get better results during teaching and studying process. However, with the Informatics Era, there appears the fifth skill: Viewing Skill. In short article, I just mention about what a viewing skill is and how to apply it during teaching and learning languages effectively.